BỘ CÔNG THƯƠNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 7034 /QĐ-BCT	*Hà Nội, ngày 21 tháng 11 năm 2012*

CỤC CN ĐỊA PHƯƠNG
ĐẾN Số: 1234
Ngày: 21/11/12
Chuyển:
Lưu hồ sơ:

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Nghị định số 189/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương và Nghị định số 44/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Điều 3 Nghị định số 189/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2007 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế và Chánh Văn phòng Bộ Công Thương,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính mới ban hành (Phụ lục kèm theo) thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Pháp chế và Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ trưởng Vũ Huy Hoàng (để báo cáo);
- Cục Kiểm soát thủ tục hành chính;
- Lưu: VT, VP(KSTT), Vụ PC.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

BỘ CÔNG THƯƠNG

Hồ Thị Kim Thoa

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ CÔNG THƯƠNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 7037 /QĐ-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
Thủ tục hành chính cấp trung ương			
1.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu	Quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam	Bộ Công Thương (Vụ Xuất nhập khẩu)
2.	Thủ tục cấp lại, sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu	Quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam	Bộ Công Thương (Vụ Xuất nhập khẩu)
3.	Thủ tục gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu	Quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam	Bộ Công Thương (Vụ Xuất nhập khẩu)

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ CÔNG THƯƠNG

I. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu

1. Trình tự thực hiện:

- Thương nhân không có hiện diện tại Việt Nam gửi hồ sơ đến Bộ Công Thương (Vụ Xuất nhập khẩu) (sau đây gọi là cơ quan có thẩm quyền);

- Cơ quan có thẩm quyền kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của hồ sơ. Trong trường hợp hồ sơ hợp lệ: Cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm cấp Giấy chứng nhận cho thương nhân không có hiện diện tại Việt Nam trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ;

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền phải thông báo cho thương nhân nước ngoài để bổ sung hoặc làm lại hồ sơ. Trong trường hợp từ chối không cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, cơ quan có thẩm quyền thông báo cho thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam bằng văn bản và nêu rõ lý do;

Trong thời hạn 5 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam phải công bố công khai các nội dung được ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của mình trong ba số liên tiếp trên các phương tiện thông tin đại chúng hoặc trên một trong các loại tờ báo viết được phổ biến toàn quốc tại Việt Nam.

2. Cách thức thực hiện: Qua bưu điện

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu thực hiện theo Mẫu MĐ-1 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 28/2012/TT-BCT;

b) Bản chính Giấy xác nhận của cơ quan có thẩm quyền nước ngoài nơi thương nhân đăng ký thành lập về việc thương nhân không hiện diện không bị tước quyền hoạt động thương mại hoặc đang chịu các hình phạt liên quan đến hoạt động thương mại theo quy định của pháp luật nước ngoài nơi thương nhân nước ngoài thành lập;

c) Bản chính Giấy xác nhận của cơ quan có thẩm quyền nước ngoài nơi thương nhân đăng ký thành lập về việc thương nhân không hiện diện không có tiền án, không bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự đối với thương

nhân không hiện diện là cá nhân hoặc người đại diện theo pháp luật đối với thương nhân không hiện diện là tổ chức kinh tế;

c) Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ có giá trị tương đương đối với thương nhân là tổ chức kinh tế; bản sao có chứng thực giấy chứng minh thư, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với thương nhân là cá nhân;

d) Bản sao có chứng thực báo cáo tài chính có kiểm toán hoặc văn bản xác nhận tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế hoặc nghĩa vụ tài chính trong năm tài chính gần nhất do cơ quan có thẩm quyền nơi thương nhân nước ngoài thành lập cấp hoặc các văn bản khác do cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc xác nhận sự tồn tại và hoạt động thực sự của thương nhân nước ngoài trong năm tài chính gần nhất theo quy định của pháp luật nước đó;

e) Bản chính văn bản xác nhận vốn kinh doanh, số tài khoản tại ngân hàng nơi thương nhân nước ngoài thành lập;

g) Văn bản thỏa thuận giữa người đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam với thương nhân không hiện diện, nêu rõ tên, địa chỉ liên lạc, số điện thoại;

h) Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của tổ chức kinh tế đại diện cho thương nhân không hiện diện tại Việt Nam hoặc bản sao có chứng thực chứng minh thư, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với người đại diện là cá nhân.

Các giấy tờ quy định tại các điểm b, c, d, đ, e trong thành phần hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu phải được dịch sang tiếng Việt và hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam. Trường hợp văn bản quy định tại điểm g trong thành phần hồ sơ bằng tiếng nước ngoài thì phải được dịch sang tiếng Việt có công chứng hoặc hợp pháp hóa lãnh sự.

Số lượng hồ sơ: một (01) bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

30 (ba mươi) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam;

- Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Bộ Công Thương (Vụ Xuất nhập khẩu).

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận

8. Lệ phí : 6 triệu VNĐ (Quyết định số 108/2007/QĐ-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu áp dụng đối với thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam)

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Mẫu MĐ-1. Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính :

- Áp dụng thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu đối với thương nhân nước ngoài thuộc các nước, vùng lãnh thổ là thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới WTO và các nước, vùng lãnh thổ có thỏa thuận song phương với Việt Nam về quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam.

- Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu không điều chỉnh hoạt động kinh doanh tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu của thương nhân nước có chung đường biên giới.

- Thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam được cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu thực hiện quyền xuất khẩu như sau:

+ Được xuất khẩu các mặt hàng không thuộc danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, danh mục hàng hóa tạm ngừng xuất khẩu, danh mục hàng hóa không được quyền xuất khẩu theo cam kết quốc tế. Đối với hàng hóa xuất khẩu có điều kiện phải đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật;

+ Đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc danh mục hàng hóa xuất khẩu theo lộ trình trong các cam kết quốc tế, thực hiện theo lộ trình cam kết;

+ Được trực tiếp làm thủ tục xuất khẩu hàng hóa tại cơ quan Hải quan theo quy định của pháp luật trên cơ sở hợp đồng mua hàng ký với thương nhân Việt Nam;

+ Mặt hàng xuất khẩu phải phù hợp với nội dung Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu.

+ Thương nhân không hiện diện chỉ được trực tiếp mua hàng hóa của thương nhân Việt Nam có đăng ký kinh doanh hoặc có quyền xuất khẩu hoặc quyền phân phối hàng hóa đó để xuất khẩu; không được tổ chức mạng lưới mua gom hàng hóa tại Việt Nam để xuất khẩu, bao gồm việc mở địa điểm để mua gom hàng hóa xuất khẩu, trừ trường hợp pháp luật Việt Nam hoặc điều

ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác.

- Thương nhân không hiện diện đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu thực hiện quyền nhập khẩu như sau:

+ Được nhập khẩu các mặt hàng không thuộc danh mục hàng hóa cấm nhập khẩu, danh mục hàng hóa tạm ngừng nhập khẩu, danh mục hàng hóa không được quyền nhập khẩu theo cam kết quốc tế. Đối với hàng hóa nhập khẩu có điều kiện phải đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật;

+ Đối với hàng hóa nhập khẩu thuộc danh mục hàng hóa nhập khẩu theo lộ trình trong các cam kết quốc tế, thực hiện theo lộ trình cam kết;

+ Được trực tiếp làm thủ tục nhập khẩu hàng hóa tại cơ quan Hải quan theo quy định của pháp luật trên cơ sở hợp đồng bán hàng ký với thương nhân Việt Nam;

+ Mặt hàng nhập khẩu phải phù hợp với nội dung Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu.

+ Thương nhân không hiện diện chỉ được trực tiếp bán hàng nhập khẩu cho các thương nhân Việt Nam có đăng ký kinh doanh hoặc có quyền phân phối hàng hóa đó, không được tổ chức hoặc tham gia hệ thống phân phối hàng hóa tại Việt Nam, trừ trường hợp pháp luật Việt Nam hoặc điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 90/2007/NĐ-CP ngày 31 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ quy định về quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam;

- Nghị định số 23/2007/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam;

- Nghị định số 12/2006/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh với hàng hóa nước ngoài;

- Thông tư số 28/2012/TT-BCT ngày 27 tháng 9 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết việc đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam;

- Quyết định số 108/2007/QĐ-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử

dụng lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu áp dụng đối với thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam.

II. Thủ tục cấp lại, sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu

1.Trình tự thực hiện

- Thương nhân không có hiện diện tại Việt Nam gửi hồ sơ đến Bộ Công Thương (Vụ Xuất nhập khẩu) (sau đây gọi là cơ quan có thẩm quyền);

- Cơ quan có thẩm quyền kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của hồ sơ. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị bằng văn bản và hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm cấp lại, sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu;

- Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu được sửa đổi, bổ sung, thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam phải công bố công khai các nội dung được sửa đổi, bổ sung ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của mình như quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 90/2007/NĐ-CP.

2. Cách thức thực hiện: Qua bưu điện

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu thực hiện theo Mẫu MĐ-2, MĐ-3 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 28/2012/TT-BCT;

b) Bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu đã được cấp. Trong trường hợp Bản gốc bị mất, bị cháy, bị tiêu hủy thì thương nhân không hiện diện phải xuất trình Bản sao có chứng thực hoặc xác nhận của cơ quan chức năng;

c) Bản chính Giấy xác nhận của cơ quan thuế Việt Nam về việc thương nhân không hiện diện đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế, tài chính với Nhà nước Việt Nam tính đến thời điểm thương nhân không hiện diện xin sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu;

d) Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ có giá trị tương đương đối với thương nhân là tổ chức kinh tế; bản sao có chứng thực giấy chứng minh thư, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với thương nhân là cá nhân;

đ) Bản sao có chứng thực tài liệu pháp lý chứng minh sự thay đổi nội dung trong Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu.

Các giấy tờ quy định tại điểm d và đ trong thành phần hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền

nhập khẩu phải được dịch sang tiếng Việt và hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Số lượng hồ sơ: một (01) bộ.

4. Thời hạn giải quyết: Mười lăm (15) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị bằng văn bản và hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam;

- Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Bộ Công Thương (Vụ Xuất nhập khẩu).

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận

8. Lệ phí : 3 triệu VNĐ (Quyết định số 108/2007/QĐ-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu áp dụng đối với thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam)

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

1/ Mẫu MĐ-2. Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu;

2/ Mẫu MĐ-3. Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu;

3/ Mẫu MĐ-5. Đơn đề nghị gia hạn và sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính :

- Áp dụng thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu đối với thương nhân nước ngoài thuộc các nước, vùng lãnh thổ là thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới WTO và các nước, vùng lãnh thổ có thỏa thuận song phương với Việt Nam về quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam.

- Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu không điều chỉnh hoạt động kinh doanh tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu của thương nhân nước có chung đường biên giới.

- Thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam được cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu thực hiện quyền xuất khẩu như sau:

+ Được xuất khẩu các mặt hàng không thuộc danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, danh mục hàng hóa tạm ngừng xuất khẩu, danh mục hàng hóa không được quyền xuất khẩu theo cam kết quốc tế. Đối với hàng hóa xuất khẩu có điều kiện phải đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật;

+ Đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc danh mục hàng hóa xuất khẩu theo lộ trình trong các cam kết quốc tế, thực hiện theo lộ trình cam kết;

+ Được trực tiếp làm thủ tục xuất khẩu hàng hóa tại cơ quan Hải quan theo quy định của pháp luật trên cơ sở hợp đồng mua hàng ký với thương nhân Việt Nam;

+ Mặt hàng xuất khẩu phải phù hợp với nội dung Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu.

+ Thương nhân không hiện diện chỉ được trực tiếp mua hàng hóa của thương nhân Việt Nam có đăng ký kinh doanh hoặc có quyền xuất khẩu hoặc quyền phân phối hàng hóa đó để xuất khẩu; không được tổ chức mạng lưới mua gom hàng hóa tại Việt Nam để xuất khẩu, bao gồm việc mở địa điểm để mua gom hàng hóa xuất khẩu, trừ trường hợp pháp luật Việt Nam hoặc điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác.

- Thương nhân không hiện diện đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu thực hiện quyền nhập khẩu như sau:

+ Được nhập khẩu các mặt hàng không thuộc danh mục hàng hóa cấm nhập khẩu, danh mục hàng hóa tạm ngừng nhập khẩu, danh mục hàng hóa không được quyền nhập khẩu theo cam kết quốc tế. Đối với hàng hóa nhập khẩu có điều kiện phải đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật;

+ Đối với hàng hóa nhập khẩu thuộc danh mục hàng hóa nhập khẩu theo lộ trình trong các cam kết quốc tế, thực hiện theo lộ trình cam kết;

+ Được trực tiếp làm thủ tục nhập khẩu hàng hóa tại cơ quan Hải quan theo quy định của pháp luật trên cơ sở hợp đồng bán hàng ký với thương nhân Việt Nam;

+ Mặt hàng nhập khẩu phải phù hợp với nội dung Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu.

+ Thương nhân không hiện diện chỉ được trực tiếp bán hàng nhập khẩu cho các thương nhân Việt Nam có đăng ký kinh doanh hoặc có quyền phân phối hàng hóa đó, không được tổ chức hoặc tham gia hệ thống phân phối hàng hóa tại Việt Nam, trừ trường hợp pháp luật Việt Nam hoặc điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác.

II. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 90/2007/NĐ-CP ngày 31 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ quy định về quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam;

- Nghị định số 23/2007/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam;

- Nghị định số 12/2006/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh với hàng hóa nước ngoài;

- Thông tư số 28/2012/TT-BCT ngày 27 tháng 9 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết việc đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam;

- Quyết định số 108/2007/QĐ-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu áp dụng đối với thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam.

III. Thủ tục gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu

1. Trình tự thực hiện

- Thương nhân không có hiện diện tại Việt Nam gửi hồ sơ đến Bộ Công Thương (Vụ Xuất nhập khẩu) (sau đây gọi là cơ quan có thẩm quyền);

- Cơ quan có thẩm quyền kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ hợp lệ: Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu cho thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 90/2007/NĐ-CP ngày 31 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ quy định về quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam;

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền phải thông báo cho thương nhân nước ngoài để bổ sung hoặc làm lại hồ sơ;

- Trong thời hạn 5 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam phải công bố công khai các nội dung

được ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của mình trong ba số liên tiếp trên các phương tiện thông tin đại chúng hoặc trên một trong các loại tờ báo viết được phổ biến toàn quốc tại Việt Nam.

2. Cách thức thực hiện: Qua bưu điện

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Đơn đề nghị gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu thực hiện theo Mẫu MĐ-4 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 28/2012/TT-BCT;

b) Bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu đã được cấp hoặc Bản sao có chứng thực trong trường hợp Bản gốc bị mất, bị cháy, bị tiêu hủy;

c) Bản sao có chứng thực báo cáo tài chính có kiểm toán hoặc văn bản xác nhận tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế hoặc nghĩa vụ tài chính trong năm tài chính gần nhất do cơ quan có thẩm quyền nơi thương nhân nước ngoài thành lập cấp hoặc các văn bản khác được tổ chức độc lập, có thẩm quyền cấp hoặc xác nhận chứng minh sự tồn tại và hoạt động thực sự của thương nhân nước ngoài trong năm tài chính gần nhất theo quy định của pháp luật nước đó;

d) Báo cáo về hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu từ thời điểm được cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu đến thời điểm đề nghị gia hạn, trên cơ sở tổng hợp các báo cáo hoạt động định kỳ hàng năm theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Thông tư số 28/2012/TT-BCT;

đ) Bản chính Giấy xác nhận của cơ quan thuế Việt Nam về việc thương nhân không hiện diện đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế, tài chính với Nhà nước Việt Nam tính đến thời điểm thương nhân không hiện diện xin gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu.

Các giấy tờ quy định tại điểm c và d trong thành phần hồ sơ gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu phải được dịch sang tiếng Việt và hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Sau khi hết thời hạn của Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu đã được gia hạn, nếu thương nhân không hiện diện vẫn có nhu cầu đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu thì phải làm thủ tục đăng ký gia hạn như quy định về hồ sơ và thủ tục gia hạn lần đầu nêu trên.

Số lượng hồ sơ: một (01) bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

30 (ba mươi) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam;

- Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Bộ Công Thương (Vụ Xuất nhập khẩu).

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận

8. Lệ phí : 3 triệu VNĐ (Quyết định số 108/2007/QĐ-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu áp dụng đối với thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam)

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

1/ Mẫu MĐ-4. Đơn đề nghị gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu;

2/ Mẫu MĐ-5. Đơn đề nghị gia hạn và sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính :

- Áp dụng thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu đối với thương nhân nước ngoài thuộc các nước, vùng lãnh thổ là thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới WTO và các nước, vùng lãnh thổ có thỏa thuận song phương với Việt Nam về quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam.

- Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu không điều chỉnh hoạt động kinh doanh tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu của thương nhân nước có chung đường biên giới.

- Thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam được cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu thực hiện quyền xuất khẩu như sau:

+ Được xuất khẩu các mặt hàng không thuộc danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, danh mục hàng hóa tạm ngừng xuất khẩu, danh mục hàng hóa không được quyền xuất khẩu theo cam kết quốc tế. Đối với hàng hóa xuất khẩu có điều kiện phải đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật;

+ Đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc danh mục hàng hóa xuất khẩu theo lộ trình trong các cam kết quốc tế, thực hiện theo lộ trình cam kết;

+ Được trực tiếp làm thủ tục xuất khẩu hàng hóa tại cơ quan Hải quan theo quy định của pháp luật trên cơ sở hợp đồng mua hàng ký với thương nhân Việt Nam;

+ Mặt hàng xuất khẩu phải phù hợp với nội dung Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu;

+ Thương nhân không hiện diện chỉ được trực tiếp mua hàng hóa của thương nhân Việt Nam có đăng ký kinh doanh hoặc có quyền xuất khẩu hoặc quyền phân phối hàng hóa đó để xuất khẩu; không được tổ chức mạng lưới mua gom hàng hóa tại Việt Nam để xuất khẩu, bao gồm việc mở địa điểm để mua gom hàng hóa xuất khẩu, trừ trường hợp pháp luật Việt Nam hoặc điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác.

- Thương nhân không hiện diện đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu thực hiện quyền nhập khẩu như sau:

+ Được nhập khẩu các mặt hàng không thuộc danh mục hàng hóa cấm nhập khẩu, danh mục hàng hóa tạm ngừng nhập khẩu, danh mục hàng hóa không được quyền nhập khẩu theo cam kết quốc tế. Đối với hàng hóa nhập khẩu có điều kiện phải đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật;

+ Đối với hàng hóa nhập khẩu thuộc danh mục hàng hóa nhập khẩu theo lộ trình trong các cam kết quốc tế, thực hiện theo lộ trình cam kết;

+ Được trực tiếp làm thủ tục nhập khẩu hàng hóa tại cơ quan Hải quan theo quy định của pháp luật trên cơ sở hợp đồng bán hàng ký với thương nhân Việt Nam;

+ Mặt hàng nhập khẩu phải phù hợp với nội dung Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu;

+ Thương nhân không hiện diện chỉ được trực tiếp bán hàng nhập khẩu cho các thương nhân Việt Nam có đăng ký kinh doanh hoặc có quyền phân phối hàng hóa đó, không được tổ chức hoặc tham gia hệ thống phân phối hàng hóa tại Việt Nam, trừ trường hợp pháp luật Việt Nam hoặc điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 90/2007/NĐ-CP ngày 31 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ quy định về quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam;

- Nghị định số 23/2007/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam;

- Nghị định số 12/2006/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh với hàng hóa nước ngoài;

- Thông tư số 28/2012/TT-BCT ngày 27 tháng 9 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết việc đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam;

- Quyết định số 108/2007/QĐ-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu áp dụng đối với thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam.

PHỤ LỤC I

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, GIA HẠN GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ QUYỀN XUẤT KHẨU, QUYỀN NHẬP KHẨU, MẪU THÔNG BÁO DỰ KIẾN CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ MẪU BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA THƯƠNG NHÂN NƯỚC NGOÀI KHÔNG CÓ HIỆN DIỆN TẠI VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Thông tư số 28 /2012/TT-BCT ngày 27 tháng 9 năm 2012 của Bộ Công Thương)

Mẫu MĐ-1. Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu

Địa điểm, ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ QUYỀN XUẤT KHẨU, QUYỀN NHẬP KHẨU

Kính gửi: Bộ Công Thương

Tên thương nhân: (ghi bằng chữ in hoa, tên trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh):……
…..
Tên thương nhân viết tắt (nếu có):
……
Quốc tịch của thương nhân:
……..
Địa chỉ:
…….....
Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh số:
……
Do:……cấp
ngày…….tháng……năm…….tại……..
Địa chỉ trụ sở chính: (địa chỉ trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh)
……
…...
Lĩnh vực hoạt động chính:
……....
Vốn điều lệ:
……...
Số tài khoản:
……tại Ngân hàng:……..
Điện thoại:……Fax:……..
Email:……Website (nếu có):
……

Đại diện theo pháp luật:(đại diện theo thẩm quyền)

Họ và tên:
……
Chức vụ:
……...
Quốc tịch:
……

Tóm tắt quá trình hoạt động của thương nhân:

.....
.....
.....

Đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu tại Việt Nam đối với nội dung cụ thể như sau:

Tên giao dịch của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam:
.....

Tên viết tắt (nếu có):
.....
Tên giao dịch bằng tiếng Anh:
.....

Nhóm hàng đăng ký xuất khẩu[1]
.....
Nhóm hàng đăng ký nhập khẩu[2]
.....

Người đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.

Họ và tên:
.....
Địa chỉ liên lạc tại Việt Nam: (ghi rõ số nhà, đường/phố, phường/xã, quận/huyện. tỉnh/thành phố).....
Điện thoại:.....Fax:.....
Email:.....Website (nếu có):.....

Chúng tôi cam kết:

1. Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung Đơn đề nghị và hồ sơ kèm theo.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam và các quy định của Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu.

Đại diện có thẩm quyền của thương nhân
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)[3]

[1] Mỗi nhóm hàng xuất khẩu bao gồm các mặt hàng thuộc một chương của biểu thuế
[2] Mỗi nhóm hàng nhập khẩu bao gồm các mặt hàng thuộc một chương của biểu thuế
[3] Dấu áp dụng đối với thương nhân là tổ chức

Mẫu MĐ-2. Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu

Địa điểm, ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ QUYỀN XUẤT KHẨU, QUYỀN NHẬP KHẨU

Kính gửi: Bộ Công Thương

Tên thương nhân: (ghi bằng chữ in hoa, tên trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh):.....

Tên thương nhân viết tắt (nếu có):

.....

Tên giao dịch bằng tiếng Anh:

.....

Địa chỉ liên lạc tại nước sở tại: (ghi rõ số nhà, đường/phố, phường/xã, quận/huyện. tỉnh/thành phố).....

.....

Đại diện theo pháp luật: (đại diện theo thẩm quyền)

Họ và tên:

.....

Chức vụ:

.....

Quốc tịch:

.....

Người đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.

Họ và tên:

.....

Địa chỉ liên lạc tại Việt Nam: (ghi rõ số nhà, đường/phố, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố).....

Điện thoại:.....Fax:.....

Email:.....Website (nếu có):.....

Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu Số:.....

....

Do: ..... cấp ngày.... tháng.... năm ....tại.....

Số tài khoản ngoại tệ.....tại ngân hàng.....

Số tài khoản tiền Việt Nam.....tại ngân hàng.....

Điện thoại: .....Fax:.....

Email.....Website (nếu có):.....

Chúng tôi đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu tại Việt Nam đối với nội dung cụ thể như sau:

Nội dung điều chỉnh:

.....

Lý do điều chỉnh:

.....

Chúng tôi cam kết:

1. Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung Đơn đề nghị và hồ sơ kèm theo.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam và các quy định của Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu.

Đại diện có thẩm quyền của thương nhân
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)[4]

[4] Dấu áp dụng đối với thương nhân là tổ chức

Mẫu MĐ-3. Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu

Địa điểm, ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ QUYỀN XUẤT KHẨU, QUYỀN NHẬP KHẨU

Kính gửi: Bộ Công Thương

Tên thương nhân: (ghi bằng chữ in hoa, tên trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh):.....

Tên thương nhân viết tắt (nếu có):
.....

Quốc tịch của thương nhân:
.....

Địa chỉ trụ sở chính: (địa chỉ trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh)
.....

Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh số:
.....

Do:.....cấp
ngày.....tháng.....năm.....tại.....

Lĩnh vực hoạt động chính:
.....

Vốn điều lệ:
.....

Số tài khoản:.....tại Ngân hàng:.....

Điện thoại:
.....Fax:.....

Email:.....Website (nếu có):
.....

Đại diện theo pháp luật: (đại diện theo thẩm quyền)

Họ và tên:
.....

Chức vụ:
.....

Quốc tịch:
.....

Tên thương nhân (ghi theo tên trên Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu).....

Tên viết tắt thương nhân (nếu có):
.....

Tên giao dịch bằng tiếng Anh:
……..
Địa chỉ liên lạc tại nước sở tại: (ghi rõ số nhà, đường/phố, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố)……
…...
Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu số:……...
Do…… cấp ngày….tháng….năm……tại……
Ngày hết hạn:
……
Số tài khoản ngoại tệ:……Tại Ngân hàng:
……..
Số tài khoản tiền Việt Nam:……tại Ngân hàng:
……..
Điện thoại:……...Fax:……...
Email:……..Website (nếu có):
……

Nội dung hoạt động của thương nhân: (ghi cụ thể lĩnh vực hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu)

……

Người đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam:

Họ và tên:
……
Địa chỉ liên lạc tại Việt Nam: (ghi rõ số nhà, đường/phố, phường/xã, quận/huyện. tỉnh/thành phố)……..
Điện thoại:……Fax:……..
Email:……Website (nếu có):……

Chúng tôi đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu tại Việt Nam đối với nội dung cụ thể như sau:
……
……
.....

Chúng tôi cam kết:

1. Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung Đơn đề nghị và hồ sơ kèm theo.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam và các quy định của Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu.

Đại diện có thẩm quyền của thương nhân
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)[5]

[5] Dấu áp dụng đối với thương nhân là tổ chức

Mẫu MĐ-4. Đơn đề nghị gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu

Địa điểm, ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ QUYỀN XUẤT KHẨU, QUYỀN NHẬP KHẨU

Kính gửi: Bộ Công Thương

Tên thương nhân: (ghi bằng chữ in hoa, tên trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh)
……
…...
Tên thương nhân viết tắt (nếu có):
……
Quốc tịch của thương nhân:
……..
Địa chỉ trụ sở chính: (địa chỉ trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh)
……
…...
Giấy phép thành lập (đăng ký kinh doanh) số:
……
do……cấp ngày…. tháng.. năm….
Tại……..
Lĩnh vực hoạt động chính:……
Vốn điều lệ:……...
Số tài khoản:…… tại Ngân hàng:……
Điện thoại:……...
Fax:……..
Email:…….. Website (nếu có):……

Đại diện theo pháp luật: (đại diện có thẩm quyền)

Họ và tên:……..

Chức vụ:……

Quốc tịch:……..

Tên thương nhân (ghi theo tên trên Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu)……
…..

Tên viết tắt (nếu có):

……

Tên giao dịch bằng tiếng Anh:

……..

Địa chỉ liên lạc tại nước sở tại: (ghi rõ số nhà, đường/phố, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố)……

…...

Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu số:

……...

Do…… cấp ngày… tháng… năm…… tại……

Ngày hết hạn:

……

Số tài khoản ngoại tệ:……..Tại Ngân hàng:

……

Số tài khoản tiền Việt Nam:……tại Ngân hàng:

……

Điện thoại:……..

Fax:……...

Email:……. Website: (nếu có)……..

Nội dung hoạt động của thương nhân: (ghi cụ thể lĩnh vực hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu)

……

Người đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam:

Họ và tên:

……

Địa chỉ liên lạc tại Việt Nam: (ghi rõ số nhà, đường/phố, phường/xã, quận/huyện. tỉnh/thành phố)……..

Điện thoại:……Fax:……..

Email:……Website (nếu có):

……

Chúng tôi đề nghị gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu với nội dung cụ thể như sau:

1. Lý do đề nghị gia hạn:

……..

2. Thời hạn đề nghị được gia hạn thêm:

……

Chúng tôi xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung Đơn đề nghị và tài liệu kèm theo.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam và các quy định của Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu.

Đại diện có thẩm quyền của thương nhân
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)[6]

[6] Dấu áp dụng đối với thương nhân là tổ chức

Mẫu MĐ-5. Đơn đề nghị gia hạn và sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu

Địa điểm, ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN VÀ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ QUYỀN XUẤT KHẨU, QUYỀN NHẬP KHẨU

Kính gửi: Bộ Công Thương

Tên thương nhân: (ghi bằng chữ in hoa, tên trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh):
.....
Tên thương nhân viết tắt (nếu có):
.....
Quốc tịch của thương nhân:
.....
Địa chỉ trụ sở chính: (địa chỉ trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh)
.....
.....
Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh số:
.....
do:.....cấp
ngày...tháng.....năm.....tại.....

Lĩnh vực hoạt động chính:
.....
Vốn điều lệ:.....
Số tài khoản:.....tại Ngân hàng:.....
Điện thoại:.....Fax:.....
Email:.....Website (nếu có):.....

Đại diện theo pháp luật: (đại diện theo thẩm quyền)
Họ và tên:
.....
Chức vụ:
.....
Quốc tịch:
.....

Tên thương nhân (ghi theo tên trên Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu).....
....
Tên viết tắt (nếu có):
.....
Tên giao dịch bằng tiếng Anh:

.....

Địa chỉ liên lạc tại nước sở tại: (ghi rõ số nhà, đường/phố, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố).....

Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu số: .....

Do .....cấp ngày.....tháng.....năm.....tại.....

Ngày hết hạn:.....

Số tài khoản ngoại tệ:.....tại Ngân hàng:.....

Số tài khoản tiền Việt Nam:.....tại Ngân hàng:.....

Điện thoại:.....Fax:.....

Email:.....Website: (nếu có).....

Nội dung hoạt động của thương nhân: (ghi cụ thể lĩnh vực hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu:

.....

Người đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam:

Họ và tên: .....

Địa chỉ liên lạc tại Việt Nam: (ghi rõ số nhà, đường/phố, phường/xã, quận/huyện. tỉnh/thành phố).....

Điện thoại:.....Fax:.....

Email:.....Website (nếu có):.....

Chúng tôi đề nghị gia hạn và sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập với nội dung cụ thể như sau:

1. Lý do đề nghị gia hạn:
.....
2. Thời hạn đề nghị được gia hạn thêm:
.....
3. Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung:
.....
4. Nội dung điều chỉnh:
.....

Chúng tôi xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung Đơn đề nghị và tài liệu kèm theo.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam và các quy định của Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, nhập khẩu.

Đại diện có thẩm quyền của thương nhân
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)[7]

[7] Dấu áp dụng đối với thương nhân là tổ chức